**PHỤ LỤC I**

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục**

**Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng**

*(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BXD ngày //2020 của*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**I.Sửa đổi, bổ sung Bảng 2.10Phụ lục số 2 như sau:**

“Bảng 2.10.TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHẦN CHI PHÍ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

Dự án:............................................................................................................................................

Tên công trình: .............................................................................................................................

Thời điểm điều chỉnh (ngày...tháng...năm...): ..............................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Đơn vị tính: đồng* |  |
| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | CÁCH TÍNH | GIÁ TRỊ | KÝ HIỆU |  |
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP |  |  |  |  |
| 1 |  Chi phí vật liệu | $$\sum\_{j=1}^{n}Q\_{j}x D\_{j}^{vl}$$ |  | VL |  |
| 2 |  Chi phí nhân công | $$\sum\_{j=1}^{m}Q\_{j}x D\_{j}^{nc}xKnc $$ |  | NC |  |
| 3 |  Chi phí máy và thiết bị thi công | $$\sum\_{j=1}^{h}Q\_{j}x D\_{j}^{m}xKm$$ |  | M |  |
|  |  **Chi phí trực tiếp** | VL+NC+M |  | T |  |
| II | CHI PHÍ GIÁN TIẾP |  |  |  |  |
| 1 | Chi phí chung | T x tỷ lệ |  | C |  |
| 2 | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công | T x tỷ lệ |  | LT |  |
| 3 | Chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế | T x tỷ lệ |  | TT |  |
|  | **Chi phí gián tiếp** | C + LT + TT  |  | GT |  |
| III |  THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC | (T+GT) x tỷ lệ |  | TL |  |
|  |  **Chi phí xây dựng trước thuế** | (T+GT+TL) |  | G |  |
| IV | THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  | *G x TGTGT-XD* |  | GTGT |  |
|  | **Chi phí xây dựng sau thuế** | ***G + GTGT*** |  |  | ” |

**II. Sửa đổi, bổ sung Bảng 3.1, Bảng 3.6, Bảng 3.7, Bảng 3.9 và bãi bỏ khoản 3.1.4 mục 3.1 phần 3 Phụ lục số 3 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Bảng 3.1. như sau:

“Bảng 3.1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG TÍNH THEO

ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT KHÔNG ĐẦY ĐỦ VÀ GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Tên dự án: ………………………………………………………………………………………

Tên công trình:………………………………………………………………………………….

Thời điểm lập:…………………………………………………………………………………..

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | CÁCH TÍNH | GIÁ TRỊ | KÝ HIỆU |
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP |  |  |  |
| 1 |  Chi phí vật liệu |  |  | VL |
| 2 |  Chi phí nhân công |  |  | NC |
| 3 |  Chi phí máy và thiết bị thi công |  |  | M |
|  |  **Chi phí trực tiếp** | VL+NC+M |  | T |
| II | CHI PHÍ GIÁN TIẾP |  |  |  |
| 1 | Chi phí chung | T x tỷ lệ |  | C |
| 2 | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công | T x tỷ lệ |  | LT |
| 3 | Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế | T x tỷ lệ |  | TT |
|  | **Chi phí gián tiếp** | C + LT + TT  |  | GT |
| III |  THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC | (T+GT) x tỷ lệ |  | TL |
|  |  **Chi phí xây dựng trước thuế** | (T+GT+TL) |  | G |
| V | THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  | G x TGTGT-XD |  | GTGT |
|  | **Chi phí xây dựng sau thuế** | *G + GTGT* |  |  |

 **NGƯỜI LẬP NGƯỜI CHỦ TRÌ**

*(ký, họ tên) (ký, họ tên)*

 Chứng chỉ hành nghề định giá XD hạng ..., số ...”

2. Sửa đổi, bổ sung Bảng 3.6. như sau:

“Bảng 3.6. TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG TÍNH THEO KHỐI LƯỢNG HAO PHÍ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG VÀ

BẢNG GIÁ TƯƠNG ỨNG

*Đơn vị tính: …*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | CÁCH TÍNH | GIÁ TRỊ | KÝ HIỆU |
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP |  |  |  |
| 1 |  Chi phí vật liệu | Lấy từ Bảng 3.5 |  | VL |
| 2 |  Chi phí nhân công | Lấy từ Bảng 3.5 |  | NC |
| 3 |  Chi phí máy và thiết bị thi công | Lấy từ Bảng 3.5 |  | M |
|  |  **Chi phí trực tiếp** | VL+NC+M |  | T |
| II | CHI PHÍ GIÁN TIẾP |  |  |  |
| 1 | Chi phí chung | T x tỷ lệ |  | C |
| 2 | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công | T x tỷ lệ |  | LT |
| 3 | Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế | T x tỷ lệ |  | TT |
|  | **Chi phí gián tiếp** | C + LT + TT  |  | GT |
| III |  THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC | (T+GT) x tỷ lệ |  | TL |
|  |  Chi phí xây dựng trước thuế | (T+GT+TL) |  | G |
| IV | THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  | G x TGTGT-XD |  | GTGT |
|  | **Chi phí xây dựng sau thuế** | G + GTGT |  | GXD |

 **NGƯỜI LẬP NGƯỜI CHỦ TRÌ**

 *(ký, họ tên) (ký, họ tên)*

 Chứng chỉ hành nghề định giá XD hạng ..., số ...”

3. Bổ sung vào cuối mục ghi chú Bảng 3.7 như sau:

“- Đối với dự toán xây dựng xác định theo từng công trình, từng gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư này, thì chi phí chung của dự toán công trình, dự toán gói thầu xây dựng được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) nhân chi phí trực tiếp trong dự toán công trình, dự toán gói thầu xây dựng. Trong đó, định mức tỷ lệ (%) chi phí chung được xác định theo hướng dẫn tại Bảng 3.7 Phụ lục này được điều chỉnh với hệ số k=0,9, trừ các dự toán xây dựng có chi phí trực tiếp trên 1.000 tỷ đồng.”.

4. Bổ sung mục ghi chú vào cuối Bảng 3.9 như sau:

“Ghi chú:

Đối với dự toán xây dựng xác định theo từng công trình, từng gói thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư này, thì chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công của dự toán công trình, dự toán gói thầu xây dựng được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) nhân chi phí trực tiếp trong dự toán công trình, dự toán gói thầu xây dựng. Trong đó, định mức tỷ lệ (%) chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định theo hướng dẫn tại Bảng 3.9 Phụ lục này được điều chỉnh với hệ số k=0,9, trừ dự toán xây dựng có chi phí trực tiếp trên 1.000 tỷ đồng.”.

5. Bãi bỏ khoản3.1.4 mục 3.1 phần 3.

**II. Sửa đổi, bổ sung công thức (9.1) mục 1.1 phần 1; điểm b khoản 1.2.2 mục 1.2 phần 1 Phụ lục số 9 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung công thức (9.1) mục 1.1 phần 1 như sau:

“Gks = *(T + GT + TL + C­pvks)* x (1 + TGTGT) + Cdp”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1.2.2 mục 1.2 phần 1 như sau:

“b)Chi phí lán trại, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế được xác định như sau:

- Tùy theo loại công tác khảo sát, khối lượng công tác khảo sát, điều kiện thực tế của công tác khảo sát và loại công trình, chi phí lán trại, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kếđược xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí trực tiếp (T). Định mức tỷ lệ chi phí lán trại, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế được xác định theo hướng dẫn tại Bảng 3.9, Bảng 3.10 Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp chi phí lán trại, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) nêu trên không phù hợp thì lập dự toán cụ thể đối với khoản chi phí này.”.